

Bản án số: 150/2024/HN-PT
Ngày: 16/12/2024
V/v “Tranh chấp ly hôn, con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1/ Bà Hoàng Thị Bích Duyên

2/ Ông Nguyễn Văn Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:* Ông Nguyễn Trí Đức – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 123/2024/TLPT-HNGĐ ngày 08/11/2024 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 645/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6216/2024/QĐ-PT ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Quang K, sinh năm 1976 (vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt); Địa chỉ: Số T đường C khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Phòng M Tòa nhà I, số N đường V, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Ngọc Minh P, sinh năm 1976 (có mặt). Địa chỉ: Số T đường C khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Minh P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Phạm Quang K trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu ông K và bà Nguyễn Ngọc Minh P tiến tới hôn nhân vào năm 2004, đăng ký kết hôn số 75/2004 tại Ủy ban nhân dân phường H,

thành phố B, tỉnh Đồng Nai ngày 28/5/2004. Trong quá trình chung sống cả hai phát sinh nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống, quản lý chi tiêu về tài chính, thường xuyên cãi vã. Mặc dù cả hai hàn gắn nhưng không được, mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay ông Phạm Quang K yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Minh P để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 01 con chung tên là Phạm Ngân H (nữ), sinh ngày 11/5/2005 hiện đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Theo bị đơn bà Nguyễn Ngọc Minh P trình bày:

Bà thống nhất trình bày của ông K về việc kết hôn, con chung như trên là đúng. Theo bà quá trình chung sống vợ chồng bà có phát sinh mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, bà vẫn còn thương yêu chồng con nên không đồng ý ly hôn, đề nghị tòa hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 645/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ông Phạm Quang K được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Minh P.

Về con chung: có 01 (một) con chung tên Phạm Ngân H (nữ), sinh ngày 11/5/2005 đã thành niên.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và việc thi hành án của các đương sự theo qui định của pháp luật.

Ngày 03/10/2024 bà Nguyễn Ngọc Minh P có đơn kháng cáo xin được đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Phạm Quang K có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn bà Nguyễn Ngọc Minh P đồng thời là người kháng cáo trình bày: Ông K yêu cầu ly hôn với bà do vợ chồng mâu thuẫn nhau, bất đồng quan điểm sống thì bà không đồng ý vì theo bà thì vợ chồng bà không có mâu thuẫn và mới sống ly thân nhau cách đây khoảng 01 năm, tết đến ông không về nhà chứ không phải ly thân từ tháng 4/2022 như ông K khai. Thời gian sống chung ông nói bà vẫn nghe, tài sản chung của vợ chồng hiện nay do bà đứng tên sở hữu. Bà và con

gái có đến công ty nơi ông K làm việc gặp lãnh đạo công ty để trình bày, đề nghị lãnh đạo công ty tạo điều kiện cho bà được lấy lại khoản tiền vợ chồng bà góp vốn vào công ty để lo cho con gái đi du học là do có khó khăn về tài chính. Sau khi ông K đi bà không liên lạc được với ông K, không biết ông ở đâu nên có đến công ty ông hỏi thông tin địa chỉ. Bà không muốn ly hôn vì hai bên gia đình không đồng ý, sợ ảnh hưởng tâm lý của con đang du học nước ngoài; bà cũng không muốn đi tìm ông nhưng vì hai bên gia đình nói nên bà phải đi tìm, bà mong ông nói với gia đình đừng thúc hối bà đi tìm ông về nữa; bà chỉ cần ông về để cả hai nói chuyện rõ ràng chứ không muốn ông ra đi im lìm như vậy nhưng ông K hứa về nhà mà lại không về, vì vậy bà không thể nói gì với ông K, cũng không biết làm sao để ông quay về với bà nhưng bà không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Xét thấy bà P và ông K là vợ chồng hợp pháp, căn cứ tài liệu chứng cứ trong hồ sơ và lời khai của bà P tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã rất trầm trọng, bà P cũng không có cách thức nào để vợ chồng có thể hàn gắn, vì vậy án sơ thẩm xử cho ông K ly hôn bà P là có cơ sở; các vấn đề khác không kháng cáo nên không xét. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc Minh P làm trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm, phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Ngọc Minh P có đăng ký kết hôn tại đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 75/2004 ngày 28/5/2004 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Do cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, ông K có đơn kiện xin ly hôn với bà P tại Tòa án nhân dân Quận 7 và được tòa sơ thẩm chấp nhận, bà P không đồng ý ly hôn nên đã có đơn kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ.

Xét yêu cầu kháng cáo của bà P: Theo ông K trình bày thì ông và bà P mâu thuẫn trầm trọng, ông không còn lòng tin vào bà P, thấy sống với nhau không còn an toàn, ông không còn tình cảm với bà P, hai bên đã sống ly thân với nhau từ tháng 4/2022 đến nay, không còn khả năng hàn gắn nên dứt khoát xin ly hôn. Bà P cho rằng vợ chồng bà không có mâu thuẫn nhưng thừa nhận cả hai đã sống ly thân với nhau khoảng hơn một năm nay, bà không còn liên lạc được với ông K và cũng không muốn tìm nhưng gia đình hai bên thúc ép nên bà phải đi tìm ông về, bà muốn nói chuyện rõ ràng với ông nhưng lúc liên lạc được thì ông

chỉ nói chuyện về con, hứa về nhà nhưng không về nên bà không thể gặp mặt hay giải bày gì với ông cho thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã đến mức trầm trọng, không có khả năng hàn gắn. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay bà P cũng trình bày bà không muốn ly hôn vì hai bên gia đình không đồng ý, sợ ảnh hưởng tâm lý của con đang du học nước ngoài thể hiện chính bản thân bà P cũng không tha thiết muốn đoàn tụ với ông K vì tình cảm vợ chồng và không đưa ra được biện pháp, cách thức nào khả dĩ cải thiện, thay đổi tình trạng quan hệ giữa hai bên, hóa giải mâu thuẫn vợ chồng nên án sơ thẩm xử cho ly hôn là có căn cứ. Về con chung có 01 con chung là Phạm Ngân H, sinh ngày 11/5/2005 hiện đã trưởng thành, tài sản chung hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung hai bên xác định không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết nên không xét. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà P, cần giữ nguyên án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí: do giữ nguyên án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Khoản 2 Điều 296, Điều 306, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Ngọc Minh P về mặt hình thức.

* Về nội dung: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Ngọc Minh P. Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 645/2024/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh như sau :

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm Quang K được ly hôn với bà Nguyễn Ngọc Minh P (đăng ký kết hôn số 75/2004 ngày 28/5/2004 tại Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

- Về con chung: Ông Phạm Quang K và bà Nguyễn Ngọc Minh P có 01 (một) con chung tên Phạm Ngân H (nữ), sinh ngày 11/5/2005 đã thành niên.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết

2. Về án phí, thi hành án:

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng ông Phạm Quang K phải chịu nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí ông K đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019135 ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông K đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng bà Nguyễn Ngọc Minh P phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm bà P đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số 0019873 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà P đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- TAND cấp cao tại TPHCM;
- VKSND cấp cao tại TPHCM,
- VKSND TP.HCM
- TAND Quận 7;
- Chi cục THADS Quận 7;
- UBND nơi đăng ký kết hôn ;
- Các đương sự (để thi hành)
- Lưu: HS/VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương